TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày: 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HS-ST ngày 09-4-2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Tổ 33, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 8/12; con ông: Nguyễn L (đã chết); con bà: Huỳnh Thị S (đã chết); chồng: Huỳnh Văn T (đã chết); bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Ngày 31/01/2018, bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

(có mặt).

Bị hại: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1953.

HKTT: 85 H, F. T, TP. V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

HKTT: Tổ 53, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông S, ông L, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/5/2017, Nguyễn Thị V mang chiếc xe mô tô biển số: 72F1-421.68 của mình bán cho ông Lâm Văn S là giám đốc Công ty TNHH L có trụ sở ở thị trấn N, huyện C với giá 25.000.000 đồng. Hai bên đã ký Hợp đồng mua bán xe số:

361/HĐMB/TNA. Sau đó, Nguyễn Thị V tiếp tục ký hợp đồng số: 361/HĐTX/TNA với ông Lâm Văn S thuê lại chiếc xe này từ ngày 29/5/2017 đến ngày 26/8/2017. Sau khi hết hợp đồng thuê xe, Nguyễn Thị V tiếp tục đóng phí thuê xe, nên ông Lâm Văn S tiếp tục đồng ý cho V sử dụng chiếc xe trên.

Ngày 15/11/2017, do thiếu tiền làm đám cưới cho con, V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, nên đã mang chiếc xe thế chấp cho Nguyễn Vũ L với giá: 44.000.000 đồng.

Ngày 23/11/2017, Nguyễn Thị V đang dọn đồ để chuyển chỗ ở khác, Nguyễn Vũ L nói với V: "Nhà chị đã bán, chị lấy gì trả nợ cho em, chị phải để lại đồ đạc để trừ nợ". Lúc này có bà Nguyễn Thị T - Là người đã mua nhà của Nguyễn Thị V), bà Trinh đã thỏa thuận trả nợ thay cho Nguyễn Thị V với điều kiện là Nguyễn Vũ L phải giao lại chiếc xe mô tô BS: 72F1-421.68 cho bà T, Nguyễn Vũ L đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bà Nguyễn Thị T giao số tiền 44.000.000 đồng cho Nguyễn Vũ L và nhận chiếc xe mô tô trên. Sau đó, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Nguyễn Thị V viết giấy thế chấp chiếc xe mô tô BS: 72F1-421.68 với giá 40.000.000 đồng. Lúc này, Nguyễn Thị V tiếp tục bán cho bà T một số tài sản vật dụng trong nhà với giá 7.000.000 đồng, bà T trừ ra số tiền 44.000.000 đồng đã trả cho Nguyễn Vũ L trước đó và đưa thêm cho V số tiền 3.000.000 đồng.

Đến ngày 05/12/2017, Nguyễn Thị V gọi điện cho ông Lâm Văn S thông báo là không còn khả năng đóng phí thuê xe nên ông Sáu cho người đến để thu hồi chiếc xe lại, Nguyễn Thị V đưa đến gặp bà T để lấy xe. Bà T không đồng ý, nên đã trình báo Công an và giao nộp chiếc xe trên.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 29/HĐĐG ngày294/12/2017 của Hội đồng định giá huyện Châu Đức kết luận Giá trị tài sản (xe mô tô biển số: 72F1-421.68, nhãn hiệu Yahmaha, loại xe Nozza) là: 37.350.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 09-4-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Nguyễn Thị V về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Thị V về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Nhưng có thay đổi là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt V mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Theo đại diện Viện Kiểm sát phần dân sự và vật chứng đã giải quyết xong.

Bị cáo V xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu

nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, bị cáo Nguyễn Thị V thừa nhận thực hiện hành vi như sau:

Ngày 29/5/2017, Nguyễn Thị V bán chiếc xe mô tô BS: 72F1-421.68 hiệu Yamaha Nozza cho ông Lâm Văn S với giá 25.000.000 đồng, rồi ký hợp đồng thuê chiếc xe này để sử dụng. Đến ngày 15/11/2017, do cần tiền tiêu xài, Nguyễn Thị V đem cầm cố chiếc xe này cho Nguyễn Vũ L với giá 44.000.000 đồng. Khi bị đòi nợ, Nguyễn Thị V tiếp tục cầm cố chiếc xe mô tô BS: 72F1-421.68 cho bà Nguyễn Thị T với số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ cho Nguyễn Vũ L.

[3] Hành vi mà bị cáo V thực hiện phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo V bán xe cho ông S, bị cáo thuê lại xe của ông S để sử dụng, bị cáo lại đem xe cầm cho ông L, sau đó bị cáo cầm tiếp cho bà T (bị cáo V nói với ông L, bà T là xe của V nhưng bị mất giấy tờ) để lấy tiền tiêu xài. Như vậy hành vi của V đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân còn Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Như vậy, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn so với Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị V. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị V phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị V là một công dân đã trưởng thành phải sống đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, xem thường pháp luật nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo một hình phạt phù hợp.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa Vàng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Cha, mẹ và chồng bị cáo đều đã chết, bị cáo có 05 người con trong đó có người con còn nhỏ, điều kiện kinh tế bị cáo khó khăn; bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy trước khi thực hiện hành vi phạm tội V chưa có vi phạm gì; V có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Thấy không cần thiết phải cách ly

V khỏi xã hội mà giao V cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng đáp ứng được yêu cầu đấu tranh giáo dục phòng ngừa chung. Do đó cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho V được hưởng án treo và ấn định cho V một thời gian thử thách phù hợp.

Như vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với V.

[5] Đối với ông Nguyễn Vũ L, bà Nguyễn Thị T nhận cầm xe từ bị cáo V nhưng V nói với ông L, bà T là xe của V bị mất giấy tờ. Qua làm việc ông L, bà T không biết đó là xe V đã bán cho ông S nên hành vi nhận cầm xe từ bị cáo V của ông L, bà T là không sai phạm gì.

[6]: **Về vật chứng:**

Ngày 08/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại cho ông Lâm Văn S chiếc xe mô tô Biển số: 72F1-421.68 hiệu Yamaha Nozza là phù hợp.

[7]: **Về trách nhiệm dân sự:**

Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị can Nguyễn Thị V phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng; Ông Lâm Văn S và ông Nguyễn Vũ L không yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8] **Về án phí:** Bị cáo V nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Thị V 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (22/5/2018).

Giao Nguyễn Thị V cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi V cư trú để quản lý, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Án phí:

Bị cáo V nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-5-2018) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Đối với ông S, ông L, bà T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 27 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Loan